

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP  
XI MĂNG VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG  
VICEM HOÀNG MAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:           /XMHM-TCKT  
V/v: Công bố thông tin báo cáo tài chính  
quý III năm 2012

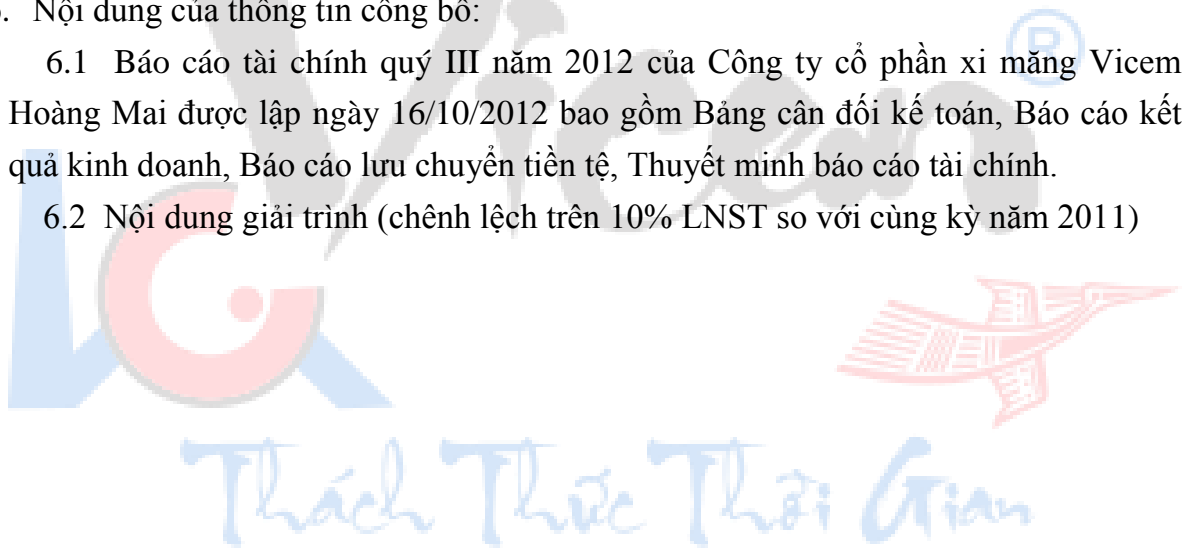
*Hoàng Mai, ngày    tháng 10 năm 2012*

Kính gửi:    - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước  
                  - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Công ty: Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai
2. Mã chứng khoán: HOM
3. Địa chỉ trụ sở chính: Thị trấn Hoàng Mai, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
4. Điện thoại: (0383) 866 170                      Fax: (0383) 866 648
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Minh Sơn
6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính quý III năm 2012 của Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai được lập ngày 16/10/2012 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.

6.2 Nội dung giải trình (chênh lệch trên 10% LNST so với cùng kỳ năm 2011)



**BẢN GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ III NĂM 2012  
SO VỚI QUÝ III NĂM 2011**

**A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT QUÝ III NĂM 2012**

**Của Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai được lập ngày 16 tháng 10 năm 2012**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

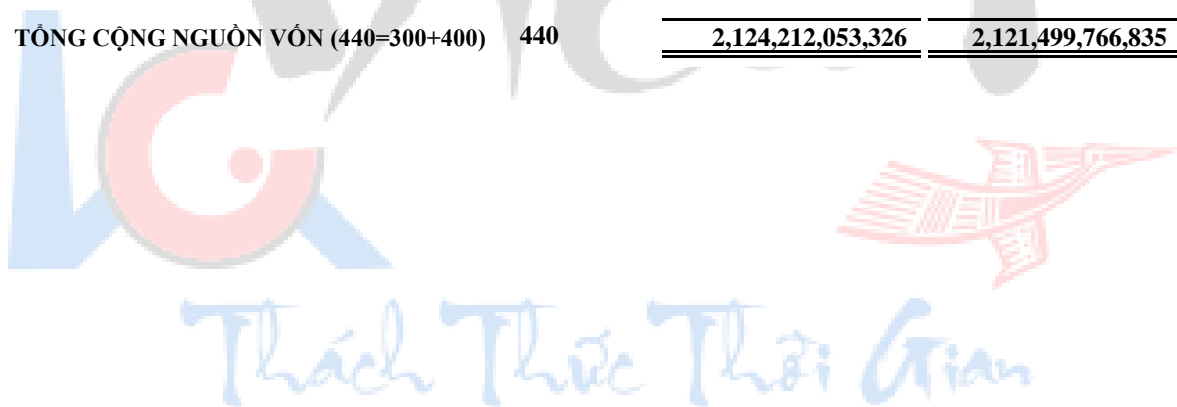
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

**MẪU SỐ B 01 - DN**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2012	01/01/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>672,513,330,920</b>	<b>599,411,575,529</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>20,659,181,035</b>	<b>142,720,480,326</b>
1. Tiền	111		20,659,181,035	41,420,480,326
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	101,300,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>30,355,000,000</b>	<b>30,355,000,000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	30,355,000,000	30,355,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>209,750,407,234</b>	<b>73,659,197,828</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		196,753,830,566	65,342,038,719
2. Trả trước cho người bán	132		8,849,169,499	4,877,768,154
5. Các khoản phải thu khác	135	6	6,805,846,501	4,768,610,621
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2,658,439,332)	(1,329,219,666)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>394,791,298,787</b>	<b>350,013,712,972</b>
1. Hàng tồn kho	141		397,510,344,551	352,732,758,736
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2,719,045,764)	(2,719,045,764)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>16,957,443,864</b>	<b>2,663,184,403</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	19	12,581,690,747	147,635,998
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	4,375,753,117	2,515,548,405
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>1,451,698,722,406</b>	<b>1,522,088,191,306</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1,408,800,713,844</b>	<b>1,478,915,945,128</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1,394,566,007,046	1,474,562,537,148
- Nguyên giá	222		2,756,720,431,862	2,746,806,655,127
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1,362,154,424,816)	(1,272,244,117,979)
3. Tài sản cố định vô hình	227		163,905,888	35,745,989
- Nguyên giá	228		433,687,770	276,929,770
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(269,781,882)	(241,183,781)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	14,070,800,910	4,317,661,991
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>42,898,008,562</b>	<b>43,172,246,178</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	42,898,008,562	43,172,246,178
2. Tài sản thuê thu nhập DN hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2,124,212,053,326</b>	<b>2,121,499,766,835</b>

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	30/09/2012	01/01/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>			<b>1,250,675,028,303</b>	<b>1,209,224,652,716</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>			<b>804,378,165,694</b>	<b>765,423,180,426</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11		539,696,629,239	486,606,419,221
2. Phải trả cho người bán	312			94,801,964,636	98,671,772,442
3. Người mua trả tiền trước	313			2,885,364,320	4,744,176,618
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13		21,369,006,539	21,892,849,721
5. Phải trả người lao động	315			9,171,909,727	29,015,127,472
6. Chi phí phải trả	316	14		34,990,921,361	25,058,375,945
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16		87,248,055,276	96,011,334,980
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323			14,214,314,596	3,423,124,027
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			<b>446,296,862,609</b>	<b>443,801,472,290</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	17		432,339,829,732	432,339,829,732
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	15		12,903,062,171	10,315,252,777
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			1,053,970,706	1,146,389,781
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>			<b>873,537,025,023</b>	<b>912,275,114,119</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	20		<b>873,537,025,023</b>	<b>912,275,114,119</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411			720,000,000,000	720,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			19,138,086,811	19,138,086,811
4. Cổ phiếu quỹ	414			(28,199,462,462)	(28,199,462,462)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			85,906,072,577	55,515,590,959
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			22,114,914,693	15,636,084,781
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420			54,577,413,404	130,184,814,030
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>			<b>2,124,212,053,326</b>	<b>2,121,499,766,835</b>



**DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**Quý III năm 2012**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3/2011	Quý 3/2012	9 Tháng/2011	9 Tháng/2012
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>338.252.783.427</b>	<b>354.532.170.094</b>	<b>1.056.476.161.656</b>	<b>1.146.579.669.632</b>
2. Các khoản giảm trừ	02		8.959.490.086	27.899.355.289	37.588.879.086	87.004.480.900
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>21</b>	<b>329.293.293.341</b>	<b>326.632.814.805</b>	<b>1.018.887.282.570</b>	<b>1.059.575.188.732</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	22	243.171.067.241	258.935.264.989	746.738.923.097	827.920.463.310
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>86.122.226.100</b>	<b>67.697.549.816</b>	<b>272.148.359.473</b>	<b>231.654.725.422</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	419.219.205	784.782.835	2.862.380.659	3.297.024.984
7. Chi phí tài chính	22	24	27.921.269.850	25.520.252.350	86.777.133.779	79.063.409.523
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	<i>27.631.045.934</i>	<i>25.434.755.150</i>	82.899.394.779	78.864.089.586
8. Chi phí bán hàng	24		18.148.000.178	15.617.207.446	54.444.180.015	50.931.637.122
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.025.640.166	13.122.916.031	46.390.666.192	43.379.665.216
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)</b>	<b>30</b>		<b>27.446.535.111</b>	<b>14.221.956.824</b>	<b>87.398.760.146</b>	<b>61.577.038.545</b>
11. Thu nhập khác	31		2.193.644.409	539.460.822	4.414.861.099	4.920.465.621
12. Chi phí khác	32		1.354.667.978	1.186.489.843	1.424.600.882	2.289.376.478
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>838.976.431</b>	<b>(647.029.021)</b>	<b>2.990.260.217</b>	<b>2.631.089.143</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>28.285.511.542</b>	<b>13.574.927.803</b>	<b>90.389.020.363</b>	<b>64.208.127.688</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	3.535.688.943	1.859.726.832	11.656.300.184	7.042.904.890
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	2.587.809.394
<b>17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>24.749.822.599</b>	<b>11.715.200.971</b>	<b>78.732.720.179</b>	<b>54.577.413.404</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>25</b>	<b>358</b>	<b>169</b>	<b>1.137</b>	<b>788</b>

## B. GIẢI TRÌNH

Theo thông tin công bố, doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ quý III năm 2012 của Công ty đạt hơn 326 tỷ đồng, giảm 0,8% so với doanh thu quý III năm 2011. Lợi nhuận trước thuế quý III năm 2012 của công ty đạt hơn 13 tỷ đồng, giảm 52% so với thực hiện cùng kỳ năm 2011 (LNTT quý III năm 2011 là 28 tỷ đồng) là do các nguyên nhân sau:

1. Doanh thu thuần giảm do

- Tỷ trọng bán sản phẩm xi măng PCB30 và Clinker trên tổng sản phẩm tăng (Sản phẩm PCB30 và Clinker có giá bán thấp hơn giá bán bình quân tổng sản phẩm).

2. Lợi nhuận giảm do:

- Giá các nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, đó là: giá than tăng hơn 18%; dầu DO tăng 5%; điện tăng 3,3% ... so với cùng kỳ năm 2011.

Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai kính báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội được biết và công bố thông tin theo quy định.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính:

**<http://www.ximanghoangmai.vn>**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**Đã ký**

**Trần Minh Sơn**